

Bản án số:207/2023/DS-PT

Ngày: 11/5/2023

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thư

Các Thẩm phán: 1/ Ông Lương Phước Đại

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 “Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:29/2022/DS-St ngày 9 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:16/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm: 1930 (chết năm 2021).

Địa chỉ: **Số C, ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

* Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn **Phan Thị H**:

1.1. Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: **Số C, ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

1.2. Bà **Phan Thị D**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: **Lô C, khu dân cư T, khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

1.3. Bà **Phan Thị H1**, sinh năm: 1963; Địa chỉ: **Khu V, khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

1.4. Bà **Phan Thị Đ1**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: **Số G, tổ B, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.**

1.5. Bà **Lâm Thị Ngọc T**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: **Số H, hẻm F, đường N, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

1.6. Ông **Nguyễn Ngọc H2**; Địa chỉ: **Số A, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Phan Thị D**: Luật sư **Trần Văn S** - Công ty TNHH Một thành viên A1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Đức T1**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: **Số D, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: **Số D, ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.**

3.2. Ông **Ngô Hồng A**, sinh năm: 1963; Địa chỉ: **Số D, đường N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.**

3.3. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: **Số D, khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.**

- Người đại diện theo ủy quyền của bà **Ú**: Ông **Lâm Đức T1**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: **Số D, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

3.4. Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm: 1950 (chết năm 2018); Địa chỉ: **Số A, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

- Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **M1**: Ông **Nguyễn Ngọc H2**; Địa chỉ: **Số A, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

3.5. Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: **Số C, ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

3.6. Bà **Phan Thị D**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: **Lô C, khu dân cư T, khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

3.7. Bà **Phan Thị H1**, sinh năm: 1963; Địa chỉ: **Khu V, khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

3.8. Bà **Phan Thị Đ1**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: **Số G, tổ B, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.**

3.9. Bà **Lâm Thị Ngọc T**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: **Số H, hẻm F, đường N, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.**

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Lâm Đức T1**; ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của bị đơn bà **Phan Thị H**) và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị U**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2008 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Phan Thị H** (đã chết) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của

nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2006, nhà và đất tọa lạc tại số F, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ của bà Phan Thị H bị ảnh hưởng bởi dự án khôi phục cầu Đ và cầu C thuộc phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi bị Nhà nước thu hồi đất, bà H được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng là 828.403.360 đồng theo thông báo số 01/HĐBT-TB ngày 02/11/2006 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Quốc lộ A. Bên cạnh đó, bà H còn được bố trí 02 nền tái định cư, vị trí lô số AC2-200, AC2-201 trong khu dân cư C - H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân quận N. Khi bà H nhận tiền bồi thường, hỗ trợ 828.403.360 đồng thì có ông Lâm Đức T1 đi cùng. Ông T1 lợi dụng việc bà H lớn tuổi, sức khỏe yếu nên đã lấy số tiền 200.000.000 đồng gửi vào tài khoản tiết kiệm đứng tên ông T1. Ngoài ra, ông T1 còn kêu bà H ký các giấy tờ cho con của ông T1 đi học nhưng sau đó thì bà H mới biết là ký giấy tờ để chuyển nhượng 02 nền tái định cư. Sau khi trừ các khoản chi phí phải nộp thì ông T1 nhận số tiền chuyển nhượng 02 nền tái định cư là 240.000.000 đồng nhưng không giao tiền lại cho bà H. Đồng thời, ông T1 còn đại diện bà H nhận 02 khoản tiền, gồm khoản tiền hỗ trợ di dời và khoản tiền cơ sở hạ tầng tổng cộng là 50.000.000 đồng, cũng như tiền bán xác nhà là 17.000.000 đồng nhưng ông T1 không giao tiền lại cho bà H. Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu buộc ông Lâm Đức T1 giao trả lại cho bà H tổng cộng 507.000.000 đồng.

Đối với phần tố của ông Lâm Đức T1 và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ú thì nguyên đơn không thống nhất.

- Theo đơn phản tố đề ngày 06/9/2010 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lâm Đức T1 trình bày:

Nhà và đất tọa lạc tại số F, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ bị Nhà nước thu hồi là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình bà Phan Thị H, gồm có các thành viên Phan Thị H, Phan Thị H1, Phan Thị Đ1, Lâm Đức T1, Lâm Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Út. Khi Nhà nước thu hồi nhà và đất nêu trên để tiến hành dự án khôi phục cầu Đ và cầu C thì hộ gia đình bà H được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 821.284.960 đồng và được bố trí 02 nền tái định cư tại khu dân cư C - H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà Phan Thị H đại diện hộ gia đình đã nhận toàn bộ tiền bồi thường từ Ban quản lý dự án. Riêng 02 nền tái định cư thì bà H đã chuyển nhượng cho người khác với giá 240.000.000 đồng. Toàn bộ phần tiền bồi thường, hỗ trợ và tiền sang nhượng 02 nền tái định cư bà H tự quản lý, sử dụng nhưng không chia cho những người trong hộ gia đình trong đó có ông T1. Do đó, ông Lâm Đức T1 đề nghị buộc bà Phan Thị H chia cho ông 200.000.000 đồng là tiền bồi thường nhà, đất và tiền chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư thuộc sở hữu chung của hộ gia đình. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H thì ông T1 không thống nhất.

- Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 06/9/2010 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ú và người đại diện theo ủy quyền là ông Lâm Đức T1 trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại số F, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khôi phục cầu Đầu S1 và cầu C là tài sản chung của hộ gia đình như ông Lâm Đức T1 đã trình bày. Khi Nhà nước thu hồi nhà và đất để tiến hành dự án thì hộ gia đình bà H được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 821.284.960 đồng và được bố trí 02 nền tái định cư tại khu dân cư C - H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà Phan Thị H đại diện hộ gia đình đã nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ từ Ban quản lý dự án và chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư cho người khác với giá 240.000.000 đồng nhưng không chia cho những người trong hộ gia đình, trong đó có bà Nguyễn Thị Ú. Do đó, bà Nguyễn Thị Ú đề nghị buộc bà Phan Thị H chia cho bà 200.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị D, bà Phan Thị Đ1 và bà Phan Thị H1 cùng trình bày: Thống nhất theo trình bày của nguyên đơn Phan Thị H.

+ Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 23/02/2008, ông có nhận chuyển nhượng 01 nền tái định cư, diện tích 90 m², tọa lạc tại khu dân cư C - H của bà Phan Thị H với giá là 295.000.000 đồng nhưng chỉ trả trực tiếp cho bà H và ông T1 110.000.000 đồng, phần tiền còn lại là tiền cơ sở hạ tầng, chi phí khác. Ông đã giao đủ tiền nhận chuyển nhượng cho bà H, có ông Lâm Đức T1 là người chứng kiến. Thời điểm này, bà H vẫn còn minh mẫn.

- Ông Ngô Hồng A trình bày:

Ông có nhận chuyển nhượng dùm cho người bạn của ông 01 nền tái định cư, diện tích 90 m², tọa lạc tại khu dân cư C - H của bà Phan Thị H với giá là 275.000.000 đồng. Trong đó, tiền đặt cọc trước 130.000.000 đồng giao cho bà H và ông Lâm Đức T1. Sau đó, giao cho bà H và ông T1 thêm 135.000.000 đồng. Khi làm hồ sơ chuyển nhượng xong thì ông giao cho ông T1 10.000.000 đồng. Ông có nhận 45.000.000 đồng tiền cơ sở hạ tầng của ông Lâm Đức T1 đưa để đóng lại cho kho bạc nhà nước. Các thủ tục đăng ký và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều do bà H trực tiếp ký tên cùng 02 vợ chồng ông T1.

Tại bản án dân sự dân sự sơ thẩm số 142/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Lâm Đức T1 trả lại cho nguyên đơn Phan Thị H (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Phan Văn Đ, bà Phan Thị D, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Đ1, bà Lâm Thị Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc H2 5.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lâm Đức T1 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Út.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Tại đơn kháng cáo, ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của nguyên đơn bà **Phan Thị H**) yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn (chết, có các kế thừa tố tụng) trả số tiền 507.000.000 đồng.

Tại đơn kháng cáo, bị đơn ông **Lâm Đức T1** và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ú** yêu cầu được chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình cho ông **T1** 200.000.000 đồng, bà **Ú** 200.000.000 đồng và không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của bị đơn bà **Phan Thị H**) giữ nguyên các yêu cầu về kháng cáo, khởi kiện.

Bị đơn ông **Lâm Đức T1** và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ú** giữ nguyên các yêu cầu về kháng cáo, phản tố và độc lập.

*Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn bà **Phan Thị D** (Luật sư **Trần Văn S**):*

Quá trình tố tụng, phía bị đơn có thừa nhận về từng số tiền (200.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông **T1**, 240.000.000 đồng bán nền tái định cư, 50.000.000 đồng hỗ trợ di dời) nên yêu cầu của nguyên đơn về các số tiền trên là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận. Riêng, tiền bán xác căn nhà 17.000.000 đồng phía nguyên đơn rút kháng cáo về số tiền này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ và tình tiết, dữ kiện liên quan nhận thấy: bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của nguyên đơn bà **Phan Thị H**), bị đơn ông **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ú** kháng cáo trong thời hạn luật định (có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hoặc thuộc trường hợp được miễn nộp theo quy định) nên hợp lệ.

[2] Theo yêu cầu khởi kiện, phản tố, độc lập và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy: Các bên tranh chấp đối với tài sản đã được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bị đơn cư trú tại địa giới hành chính **quận C** nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình*” là có căn cứ, đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn **Phan Thị H** (đã chết) nhưng chỉ có 02/06 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** kháng cáo; bị đơn ông **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ú** kháng cáo hợp lệ. Riêng, bà **Phan Thị Đ1** (là 01 trong 06 kế thừa tố tụng của nguyên đơn) kháng cáo quá hạn và không được chấp nhận. Các kế thừa tố tụng còn lại của nguyên đơn và những người có quyền nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của đương sự:

[4.1] Ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của nguyên đơn bà **Phan Thị H**) kháng cáo yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn (chết, có các kế thừa tố tụng) số tiền 507.000.000 đồng.

[4.2] Bị đơn ông **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ú** kháng cáo yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình cho ông **T1** 200.000.000 đồng, bà **Ú** 200.000.000 đồng và không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

[4.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Thứ nhất, đối với nội dung kháng cáo của ông **T1**, bà **Ú**:

Căn cứ khoản 1 Điều 102 Bộ luật Dân sự quy định: “Việc xác định tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, quyền, nghĩa vụ đối với tài sản này được xác định theo quy định tại Điều 212 của Bộ luật này”.

Dẫn chiếu quy định tại khoản 1 Điều 212 Bộ luật Dân sự như sau: “Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan”.

Xét, tại Tờ khai nguồn gốc sử dụng nhà, đất ngày 24/7/2006 của bà **H**, chính quyền địa phương xác nhận, nguồn gốc đất do bà **H** sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1975, căn nhà được bà **H** sử dụng từ năm 1975 không tranh chấp. Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **Quốc lộ A** chi trả cho cá nhân bà **H**, được thể hiện thông qua ủy nhiệm chi lập ngày 13/11/2006. Tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân quận **N** bố trí 02 nền tái định cư cho cá nhân bà **H** tại vị trí lô số AC2-200, AC2-201, chiều ngang 9m, chiều dài 20m.

Như vậy, có cơ sở để xác định: nhà đất tại **số F, khu V, phường A** và 02 nền tái định cư không phải là tài sản chung của hộ gia đình bà **H**. Do đó, ông **T1**

yêu cầu chia số tiền bồi thường, hỗ trợ và chuyển nhượng 02 nền tái định cư là chưa phù hợp.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng, theo giấy ủy quyền lập ngày 22/5/2008 thể hiện: bà H ủy quyền cho ông T1 nhận số tiền 5.000.000 đồng, không thể hiện nội dung ông T1 được sở hữu số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 giao trả số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với bà Ú, bà Ú là vợ ông T1 và là dâu của bà H. Bà Ú nhập hộ khẩu vào hộ gia đình bà H ngày 25/01/1997. Như vậy, thời điểm bà Ú về sinh sống cùng gia đình bà H thì tài sản này đã được hình thành, không có công sức đóng góp, tạo lập tài sản nên không có cơ sở phân chia số tiền bồi thường, hỗ trợ và chuyển nhượng 02 nền tái định cư theo yêu cầu của bà Ú.

- Thứ hai, đối với nội dung kháng cáo của bà D, ông Đ:

Ngày 13/11/2006, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Quốc lộ A chi trả cho bà H số tiền 821.284.960 đồng thông qua tài khoản được bà H mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3, Chi nhánh C. Cùng ngày, bà H chuyển 300.000.000 đồng sang tài khoản tiền gửi tiết kiệm 12 tháng đứng tên bà H, chuyển 200.000.000 đồng sang tài khoản tiết kiệm 12 tháng đứng tên ông T1, số tiền còn lại 321.285.000 đồng thì bà H rút tiền mặt. Theo ủy nhiệm chi lập ngày 13/11/2006 thể hiện: bà H là người trực tiếp thực hiện yêu cầu chuyển số tiền 200.000.000 đồng cho người thụ hưởng tiền gửi tiết kiệm là ông T1. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh thời điểm chuyển tiền, bà H bị lừa dối, ép buộc hoặc nhầm lẫn. Mặt khác, căn cứ Điều 248 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Khi chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu của mình cho người khác thông qua hợp đồng mua bán, trao đổi, tặng cho, cho vay hoặc thông qua việc để thừa kế thì quyền sở hữu đối với tài sản của người đó chấm dứt kể từ thời điểm phát sinh quyền sở hữu của người được chuyển giao*”. Như vậy, quyền sở hữu của bà H đối với số tiền 200.000.000 đồng đã chấm dứt và đã phát sinh quyền sở hữu của ông T1 đối với số tiền này. Do đó, bà H yêu cầu ông T1 giao trả là không có căn cứ.

Đối với số tiền 240.000.000 đồng chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai ngày 23/02/2008 và giấy đặt cọc mua nền AC2.200, biên nhận nhận tiền cọc ngày 18/12/2008 thể hiện: bà H và ông T1, bà Ú cùng ký tên trong các giao dịch này. Tại bản tự khai ngày 09/7/2010, ông A xác định, bà H trực tiếp nhượng lại đất và nhận tiền tại nhà của bà H, có sự chứng kiến của vợ chồng ông T1. Ông M xác định, ông giao tiền trực tiếp cho bà H và vợ chồng ông T1 kiểm đếm lại

tiền. Như vậy, có cơ sở để xác định: bà **H** là người trực tiếp chuyển nhượng và nhận tiền, vợ chồng ông **T1** chứng kiến việc giao nhận tiền. Bà **H** không chứng minh được ông **T1** chiếm giữ số tiền này nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà **H**.

Đối với số tiền 45.000.000 đồng hỗ trợ cơ sở hạ tầng, theo biên nhận ngày 17/4/2008 thể hiện: ông **A** nhận của ông **T1** số tiền 45.000.000 đồng để nộp thuế cho đủ số tiền sử dụng đất là 360.000.000 đồng. Như vậy, ông **T1** không còn quản lý số tiền 45.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà **H** là phù hợp. Đối với số tiền 17.000.000 đồng bán xác nhà, tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên không xem xét.

[5] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố và độc lập của bị đơn, người liên quan là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đảm bảo hiệu lực thi hành và giá trị pháp lý ràng buộc nên không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng, ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** kháng cáo nhưng thực hiện với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn **Phan Thị H** (đã chết), nhưng bà **H** thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (là 02 trong 06 kế thừa tố tụng của nguyên đơn bà **Phan Thị H**); bị đơn ông **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Út**.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận **C, thành phố Cần Thơ**.

Áp dụng:

- Điều 248 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 212, 688 và 689 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn **Lâm Đức T1** trả lại cho nguyên đơn **Phan Thị H** (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D**, bà **Phan Thị H1**, bà **Phan Thị Đ1**, bà **Lâm Thị Ngọc T**, ông **Nguyễn Ngọc H2** 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn **Lâm Đức T1** và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Út**.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn **Phan Thị H** (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D**, bà **Phan Thị H1**, bà **Phan Thị Đ1**, bà **Lâm Thị Ngọc T**, ông **Nguyễn Ngọc H2** được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nên đương sự được nhận lại 9.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009703 ngày 18/9/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Ú** mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông **T1** đã nộp theo biên lai thu số 001691 ngày 16/9/2010, bà **Ú** đã nộp theo biên lai thu số 001690 ngày 16/9/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng nên ông **T1**, bà **Ú** mỗi người được nhận lại số tiền là 2.200.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông **Phan Văn Đ**, bà **Phan Thị D** (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyên đơn bà **Phan Thị H**) nên được miễn án phí phúc thẩm.

Bà **Phan Thị D** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008697 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

+ Bị đơn **Lâm Đức T1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Ú** mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông **T1** đã nộp theo biên lai thu số 0008645, bà **Ú** đã nộp theo biên

lai thu số 0008646 cùng ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- TAND quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Trang Thư